

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
(TESTING FORM)
(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỦ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)



Trung tâm K.S Bệnh Tật tỉnh Q Ngãi, ĐC: 122 Nguyễn Văn Linh
phường Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi,ĐT:(0255)3 829213/Fax:
3827085

MÃ SỐ MẪU:

H-VSN	0	5	5	7	2	5
-------	---	---	---	---	---	---

1.	Tên mẫu: Nước máy (Name of sample)	Nhãn hiệu mẫu: Không có (Trade, mark of sample)
2.	Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín. (Condition of sample)	
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: TTKSBT (Sample taking institution)	Đơn vị sản phẩm/mẫu: Khoảng 1.5 lít (Unit of product/sample)
4.	Cơ sở sản xuất: Bể chứa Dung Quất. (Manufacturer)	
5.	Chủ cơ sở: Công ty CP VINACONEX Dung Quất (Manager of manufacture)	ĐT/Fax: 0255 3610159 (Telephone number)
6.	Ngày nhận mẫu: 05/8/25 (Date of sample)	Ngày phân tích: 05-13/8/25 (Work day)
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: Lý hóa-vi sinh. (Testing mandate)	
8.	Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu. (Sample detaining duration from to)	
	KẾT LUẬN (Conclusion) Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo QCDP 01:2023/QNg- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
10.	GIÁM ĐỐC (Director)   Võ Thanh Căn	TRƯỞNG KHOA XN- CĐHA-TDCN (Head of laboratory)  ĐẶNG VĂN SƠN

Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(Testing result)

TT	Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
1	Màu sắc (độ Coban)(*)	TCU	≤ 15	0,00	TCVN 6185:2015 (ISO 7887:2011)
2	Mùi, vị (*)(**) (ở 20 ⁰ C và 60 ⁰ C)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150C:2023, QUATEST3 1263:2024 (ref. SMEWW 2160B:2023)
3	Độ đục(*)	NTU	≤ 2	$\leq 0,3$	TCVN 12402-1:2020
4	pH (*)	-	6,0 – 8,5	7,15	TCVN 6492: 2011
5	Hàm lượng Asen tổng số(*) (**)	mg/l	$\leq 0,01$	KPH (LOD=0,0005)	US EPA Method 200.8
6	Coliform (*)	CFU/100ml	<1	KPH (LOD=1)	TCVN 6187-1:2019
7	E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	<1	KPH (LOD=1)	TCVN 6187-1:2019
8	Hàm lượng Clo dư(*)(**)	mg/l	0,2 – 1,0	0,6	SMEWW 2350B:2023
9	Chỉ số Pecmanganat (*)	mgOxy/l	≤ 2	0,64	TCVN 6186-96
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*) (**)	mg/l	$\leq 1,0$	KPH (LOD=0,1)	US EPA Method 350.2 (So màu/Colorimetric)

Ghi chú : (*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017

(**): Thông số nhà thầu phụ phân tích

- KPH: Không phát hiện

- SMEWW: Standard methods for the Examination of Water and Waste water

- US EPA: United States Environmental Protection Agency

Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì
Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.

Số: 558/KNN/2025

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 8 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
(TESTING FORM)
(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)



Trung tâm K.S Bệnh Tật tỉnh Q Ngãi, ĐC: 122 Nguyễn Văn Linh
phường Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi, ĐT: (0255) 3 829213/Fax:
3827085

MÃ SỐ MẪU:

H-VSN	0	5	5	8	2	5
-------	---	---	---	---	---	---

1.	Tên mẫu: Nước máy (Name of sample)	Nhãn hiệu mẫu: Không có (Trade, mark of sample)
2.	Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín. (Condition of sample)	
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: TTKSBT (Sample taking institution)	Đơn vị sản phẩm/mẫu: Khoảng 1.5 lít (Unit of product/sample)
4.	Cơ sở sản xuất: Nhà máy Lọc dầu Dung Quất. (Manufacturer)	
5.	Chủ cơ sở: Công ty CP VINACONEX Dung Quất (Manager of manufacture)	ĐT/Fax: 0255 3610159 (Telephone number)
6.	Ngày nhận mẫu: 05/8/25 (Date of sample)	Ngày phân tích: 05-13/8/25 (Work day)
7.	Ngày trả kết quả: 15/8/25 (Date of result)	
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: Lý hóa-vi sinh. (Testing mandate)	
8.	Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu. (Sample detaining duration from to)	
	KẾT LUẬN (Conclusion) Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo QCDP 01:2023/QNg- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
10.	GIÁM ĐỐC (Director)   Võ Thanh Can	TRƯỞNG KHOA XN- CĐHA-TDCN (Head of laboratory)  ĐẶNG VĂN SƠN

Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(Testing result)

	Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
1	Màu sắc (độ Coban)(*)	TCU	≤ 15	0,00	TCVN 6185:2015 (ISO 7887:2011)
2	Mùi, vị (*)(**) (ở 20 ⁰ C và 60 ⁰ C)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150C:2023, QUATEST3 3 1263:2024 (ref. SMEWW 2160B:2023)
3	Độ đục(*)	NTU	≤ 2	$\leq 0,3$	TCVN 12402-1:2020
4	pH (*)	-	6,0 – 8,5	7,10	TCVN 6492: 2011
5	Hàm lượng Asen tổng số(*) (**)	mg/l	$\leq 0,01$	KPH (LOD=0,0005)	US EPA Method 200.8
6	Coliform (*)	CFU/100ml	<1	KPH (LOD=1)	TCVN 6187-1:2019
7	E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	<1	KPH (LOD=1)	TCVN 6187-1:2019
8	Hàm lượng Clo dư(*)(**)	mg/l	0,2 – 1,0	0,3	SMEWW 2350B:2023
9	Chỉ số Pecmanganat (*)	mgOxy/l	≤ 2	0,48	TCVN 6186-96
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*) (***)	mg/l	$\leq 1,0$	KPH (LOD=0,1)	US EPA Method 350.2 (So màu/Colorimetric)

Ghi chú : (*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017

(**): Thông số nhà thầu phụ phân tích

- KPH: Không phát hiện

- SMEWW: Standard methods for the Examination of Water and Waste water

- US EPA: United States Environmental Protection Agency



Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì
Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.

SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI
TRUNG TÂM K.S BỆNH TẬTCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 559/KNN/2025

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 8 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TESTING FORM)

(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)



Trung tâm K.S Bệnh Tật tỉnh Q Ngãi, ĐC: 122 Nguyễn Văn Linh
phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi, ĐT: (0255) 3 829213/Fax:
3827085

MÃ SỐ MẪU:

H-VSN	0	5	5	9	2	5
-------	---	---	---	---	---	---

1.	Tên mẫu: Nước máy (Name of sample)	Nhãn hiệu mẫu: Không có (Trade, mark of sample)
2.	Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín. (Condition of sample)	
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: TTKSBT (Sample taking institution)	Đơn vị sản phẩm/mẫu: Khoảng 1.5 lít (Unit of product/sample)
4.	Cơ sở sản xuất: KDC Bình Đông. (Manufacturer)	
5.	Chủ cơ sở: Công ty CP VINACONEX Dung Quất (Manager of manufacture)	ĐT/Fax: 0255 3610159 (Telephone number)
6.	Ngày nhận mẫu: 05/8/25 (Date of sample)	Ngày phân tích: 05-13/8/25 (Work day)
7.	Ngày trả kết quả: 15/8/25 (Date of result)	
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: Lý hóa-vi sinh. (Testing mandate)	
8.	Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu. (Sample detaining duration from to)	
	KẾT LUẬN (Conclusion) Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo QCĐP 01:2023/QNg- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
10.	GIÁM ĐỐC (Director)  Võ Thanh Tân	TRƯỞNG KHOA XN- CĐHA-TDCN (Head of laboratory)  ĐẶNG VĂN SƠN

Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(Testing result)



TT	Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
1	Màu sắc (độ Coban)(*)	TCU	≤ 15	0,00	TCVN 6185:2015 (ISO 7887:2011)
2	Mùi, vị (*)(**) (ở 20 ⁰ C và 60 ⁰ C)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150C:2023, QUATEST3 3 1263:2024 (ref. SMEWW 2160B:2023)
3	Độ đục(*)	NTU	≤ 2	$\leq 0,3$	TCVN 12402-1:2020
4	pH (*)	-	6,0 – 8,5	7,05	TCVN 6492: 2011
5	Hàm lượng Asen tổng số(*) (**)	mg/l	$\leq 0,01$	KPH (LOD=0,0005)	US EPA Method 200.8
6	E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	<1	KPH (LOD=1)	TCVN 6187-1:2019
7	Coliform (*)	CFU/100ml	<1	KPH (LOD=1)	TCVN 6187-1:2019
8	Hàm lượng Clo du(*)(**)	mg/l	0,2 – 1,0	0,2	SMEWW 2350B:2023
9	Chỉ số Pecmanganat (*)	mgOxy/l	≤ 2	0,48	TCVN 6186-96
10	Ámoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*) (**)	mg/l	$\leq 1,0$	KPH (LOD=0,1)	US EPA Method 350.2 (So màu/Colorimetric)

Ghi chú : (*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017

(**): Thông số nhà thầu phụ phân tích

- KPH: Không phát hiện

- SMEWW: Standard methods for the Examination of Water and Waste water

- US EPA: United States Environmental Protection Agency



Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì
Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.